

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung

- **Tên Dự án:** Khu đô thị mới phía Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Khu 1)
- **Địa điểm thực hiện Dự án:** phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh.
- **Chủ dự án đầu tư:** Liên danh Tập đoàn Vingroup - Công ty CP - Công ty TNHH tư vấn đầu tư phát triển thương mại Thanh Bình - Công ty TNHH đầu tư và phát triển bất động sản Cuộc Sống Mới và Công ty Cổ phần Phú Thọ Land.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi, quy mô thực hiện hiện Dự án

- Quy mô dân số: 31.444 người.
- Quy mô sử dụng đất: Quy mô sử dụng đất của Dự án là 268,80 ha được thực hiện theo Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 của UBND phường Kinh Bắc về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Khu đô thị mới phía Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Khu 1) (nay thuộc phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh)

Cơ cấu, danh mục sử dụng đất và các chỉ tiêu của Dự án như sau:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Dân số (người)
I	Tổng diện tích lập quy hoạch	2.688.056,4	100,0	31.444
1	Đất nhà ở mới	497.617,9	18,5	31.444
2.1	Đất nhà ở thấp tầng	445.087,4	16,6	16.796
	Đất nhà ở liền kề	362.696,9	13,5	15.305
	Đất nhà ở biệt thự	82.390,5	3,1	1.491
2.2	Đất nhà ở chung cư hỗn hợp	52.530,5	2,0	14.648
3	Đất công trình dịch vụ (thuộc đất hỗn hợp)	28.524,3	1,1	
4	Đất công trình hạ tầng xã hội	1.004.568,5	37,4	
4.1	Đất văn hóa	15.747,4	0,6	
4.2	Đất y tế	1.132,9	0,04	
4.3	Đất giáo dục	66.288,5	2,5	

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Dân số (người)
	<i>Trường mầm non</i>	23.211,1	0,9	
	<i>Trường tiểu học</i>	21.019,7	0,8	
	<i>Trường trung học cơ sở</i>	22.057,7	0,8	
4.4	Đất thể dục thể thao	709.042,7	26,4	
	<i>Đất thể dục thể thao (cấp đô thị)</i>	676.515,1	25,2	
	<i>Đất thể dục thể thao (cấp đơn vị ở)</i>	32.527,6	1,2	
4.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	192.266,7	7,2	
<i>A</i>	<i>Đất cây xanh sử dụng công cộng (cấp đô thị)</i>	98.368,8	3,7	
<i>B</i>	<i>Đất cây xanh sử dụng công cộng (đơn vị ở)</i>	69.967,6	2,6	
<i>C</i>	<i>Đất cây xanh nhóm ở</i>	23.930,3	0,9	
4.6	Đất thương mại dịch vụ	20.090,1	0,7	
5	Đất di tích, tôn giáo	1.894,7	0,1	
6	Đất cây xanh chuyên dụng	107.139,0	4,0	
7	Đất giao thông	711.389,7	26,5	
	<i>Đường giao thông đối ngoại (TL295c)</i>	19.076,3	0,7	
	<i>Đường giao thông đô thị</i>	101.747,4	3,8	
	<i>Đất giao thông khu vực</i>	155.074,5	5,8	
	<i>Đất giao thông nội bộ</i>	435.491,5	16,2	
8	Bãi đỗ xe	54.701,1	2,0	
9	Đất nghĩa trang hiện trạng	5.542,5	0,2	
10	Đất công trình hạ tầng kĩ thuật khác	7.390,5	0,3	
11	Mặt nước (hồ, ao, đầm)	269.288,3	10,0	

1.2.2. Mục tiêu thực hiện Dự án

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 728/QĐ-TTg ngày 20/6/2023; Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Phân khu số 14) đã được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 23/7/2024.

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh một khu đô thị hiện đại, thông minh, đẳng cấp quốc tế với các sản phẩm nhà ở, công trình xây dựng được bán, cho thuê, cho thuê mua đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật..

1.3. Công suất sản xuất (nếu có)

1.4. Các hạng mục công trình của Dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- San nền trên tổng diện tích khoảng 268,8ha.
- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Khu 1) trên tổng diện tích khoảng 268,8 ha, bao gồm:
 - + Hệ thống đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện và chiếu sáng; hệ thống cấp nước; hệ thống thông tin liên lạc.
 - + Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải
- Đầu tư thi công xây dựng nhà ở thấp tầng; công trình hỗn hợp; nhà ở xã hội, công trình hạ tầng xã hội,

1.4.2. Các hoạt động của dự án

a. Các hoạt động của Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí công trường thi công; 01 bãi tập kết nguyên vật liệu thi công.
- Sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng.
- Dọn dẹp mặt bằng, bóc lớp đất hữu cơ bề mặt; san nền và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên đất.

b. Các hoạt động của Dự án trong giai đoạn vận hành

- Sinh hoạt của người dân trong phạm vi Dự án.
- Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong phạm vi Dự án và đầu nối về trạm XLNT số 1 công suất 6.500 m³/ngày và trạm xử lý nước thải số 2 công suất 750 m³/ngày
- Thực hiện nạo vét toàn bộ hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi Dự án.
- Thu gom, phân loại tại nguồn các loại chất thải (chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại) phát sinh từ hoạt động của các công trình trong phạm vi Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở và từ 05 ha trên tổng diện tích dự án 268,8ha.

2. Các nội dung tham vấn

2.3. Vị trí thực hiện Dự án đầu tư

2.3.1. Vị trí, ranh giới dự án:

Theo Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 của UBND phường Kinh Bắc về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Khu đô thị mới phía Tây

Bắc thành phố Bắc Ninh (Khu 1) (nay thuộc phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh) thì Dự án thực hiện trên diện tích khoảng 2.688.056,4 m² thuộc địa bàn phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh. Vị trí, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Sông Cầu và khu dân cư hiện trạng;
- Phía Đông Nam giáp: Khu dân cư hiện trạng, đất nông nghiệp;
- Phía Tây giáp: Sông Cầu và đất nông nghiệp;
- Phía Nam giáp: Khu dân cư hiện trạng và đất nông nghiệp

2.3.2. Hiện trạng sử dụng đất trên khu đất dự án

Tổng diện tích khu đất xin thu hồi là 2.772.173.5 m².

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %
I	Đất ít thuận lợi cho xây dựng	1.891.604,3	70,37
	Đất ở hiện trạng	3.587,2	0,13
	Đất nghĩa trang	10.541,3	0,39
	Đất nông nghiệp	1.482.641,1	55,16
	Đất nông nghiệp khác	393.739,6	14,65
	Đất hạ tầng kĩ thuật	1.095,1	0,04
II	Đất thuận lợi cho xây dựng	280.633,2	10,44
	Đất chưa sử dụng	87.354,7	3,25
	Đất giao thông	193.278,5	7,19
III	Đất không thuận lợi cho xây dựng	515.818,9	19,19
	Đất tôn giáo	1.894,7	0,07
	Đất ao, hồ, đầm	467.695,3	17,40
	Sông suối, kênh rạch	46.229,0	1,72
Tổng		2.688.056,4	100,00

2.2. Tác động môi trường của Dự án đầu tư

2.2.1. Các tác động liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.2.1.1. Nước thải, khí thải

a. Nước thải:

Giai đoạn xây dựng: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân trên công trường phát

sinh khoảng 33,75 m³/ngày thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BODs, amoni, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, tổng phốt pho, tổng Coliform.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt của người dân khu dân cư với lưu lượng khoảng 7.000 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD5, amoni, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, tổng phốt pho, tổng Coliform.

b. Bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình san lấp mặt bằng, thi công xây dựng, vận chuyển nguyên liệu, chất thải.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực.

2.2.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Chất thải rắn sinh hoạt

+ Giai đoạn xây dựng: Khoảng 375 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Khoảng 40,05 tấn/ngày đêm.

b. Chất thải rắn thông thường

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải xây dựng khoảng 54.204,49 tấn;

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải từ quá trình nạo vét bùn: 911,43 tấn/năm

c. Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 442,89 kg/tháng, bao gồm: Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải,...

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 428 kg/năm, bao gồm: Các thiết bị, linh kiện điện tử thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; Pin, Ắc quy chì thải; Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH); Giẻ lau dính dầu mỡ.

2.2.2. Các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

*** Tiếng ồn, độ rung**

- Giai đoạn xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy xúc, máy ủi, máy cầu, xe tải nặng, máy khoan, máy ép cọc và hoạt động của các phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường không khí

Giai đoạn xây dựng: Lắp đặt hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm, không sử dụng máy móc cũ lạc hậu;

phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải, không để rơi vãi, thu gom đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công, phun nước giảm bụi, bố trí cầu rửa xe; sử dụng xe chuyên dụng để hút bụi khi thi công đường giao thông nội bộ.

Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh trong khu dân cư, xung quanh các công trình và dọc theo các tuyến đường giao thông.

2.3.2. Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường nước

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Lắp đặt tại công trường thi công khoảng 10 nhà vệ sinh lưu động, dung tích mỗi nhà vệ sinh khoảng 1.000 lít, đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường thi công; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể theo quy định, không xả thải ra môi trường.

+ Quy trình: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh lưu động → đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

- Xây dựng 01 cầu rửa xe (mỗi cầu có diện tích khoảng 15 m² kích thước D x H = (3,0 x 5,0) m và 02 bể lắng dung tích khoảng 03 m³/bể, kích thước khoảng (02 x 01 x 1,5) m/bể để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công. Trang bị bể dầu để thu gom lượng dầu nổi tại hố lắng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại. Nước sau khi lắng và tách dầu được tái sử dụng vào mục đích vệ sinh phương tiện vận chuyển, làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển.

Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công → bể lắng → tách dầu → lắng cặn → nước sau khi lắng cặn → vệ sinh phương tiện vận chuyển, làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển.

b. Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: Thu gom bằng các hố ga, hệ thống rãnh thoát nước.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các công trình trong phạm vi Dự án (với tổng lưu lượng khoảng 7.000 m³/ngày) sau khi được xử lý sơ bộ tại mỗi công trình sau đó thu gom về trạm xử lý nước thải số 1 công suất 6.500 m³/ngày và trạm xử lý nước thải số 2 công suất 750 m³/ngày)

2.3.3. Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với chất thải rắn và CTNH

a. Đối với chất thải rắn:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng: Lớp đất bóc tách bề mặt được thu gom, tận dụng để trồng

cây xanh, phần không thể tận dụng được chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu hoặc có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định; chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, tập kết tạm thời trong khu vực dự án, một phần được tận dụng san lấp mặt bằng, phần còn lại chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu hoặc có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào thùng chứa, hợp đồng với đội vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện công tác phân loại tại nguồn; lưu giữ bằng các thùng chứa của hộ gia đình, được tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Bùn thải, cặn lắng từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải được đơn vị quản lý vận hành hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

b. Đối với chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Bố trí kho lưu chứa diện tích 10 m², tường và cửa kiên cố, nền trải bạt HDPE chống thấm; sử dụng thùng chứa có nắp đậy, dung tích 150 lít/thùng; định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Giai đoạn vận hành:

Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 10 m² tại khu vực trạm xử lý nước thải của Dự án để lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án. Kho lưu giữ chất thải nguy hại được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành, trong kho bố trí 03 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ.

- Tại các công trình ở cao tầng, thương mại dịch vụ: Bố trí tại mỗi tầng của công trình nhà cao tầng 01 ngăn chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 1,5 m², đảm bảo thu gom riêng biệt từng loại chất thải nguy hại vào thùng chứa có nắp đậy kín, có dán nhãn mác chất thải nguy hại đúng theo quy định. Ngăn chứa chất thải nguy hại được thiết kế theo đúng quy cách, bên trong bố trí các thùng chứa có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định để thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình trong các tòa nhà cao tầng; định kỳ tập kết toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh về kho lưu chứa chất thải nguy hại của Dự án với tần suất 01 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

- Định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại của Dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh

2.3.4. Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Sử dụng máy móc thi công bảo đảm về tiếng ồn, thường xuyên bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp, hạn chế thi công các hạng mục phát sinh tiếng ồn, độ rung vào ban đêm, hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung.
- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh xung quanh dự án

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Chương trình quản lý, giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành

2.4.1.1. Chương trình quản lý, giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí: tại 05 vị trí: xung quanh khu vực Dự án
- Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, độ rung, CO, NO₂, SO₂.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt và 01 vị trí tại các kho chứa chất thải nguy hại tạm thời tại các công trường thi công.
- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

c. Giám sát vận chuyển, đổ thải

- Vị trí: tại tất cả những vị trí có phát sinh đất, đá, phế thải; giám sát việc vận chuyển đổ thải.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.
- Thông số giám sát: khối lượng; tuyến đường vận chuyển; biện pháp đảm bảo môi trường trong quá trình vận chuyển đổ thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

2.4.1.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ đầu tư trong giai đoạn vận hành

a Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định

2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành

2.4.2.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn thi công xây dựng

a Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về

phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

b. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường; tổ chức đội cứu hộ để sơ cứu tại chỗ trong trường hợp xảy ra tai nạn; bố trí trang thiết bị cần thiết để vận chuyển người bị nạn tới cơ sở y tế; lắp đặt đường dây khẩn cấp để thông báo khi xảy ra sự cố; lập danh sách và địa chỉ các bệnh viện và cơ sở y tế xung quanh khu vực Dự án.

c. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

d. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lún, nứt công trình hạ tầng xung quanh

Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng các công trình hạ tầng, nhà cửa và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù mọi thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

2.4.2.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn vận hành

a. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và thực hiện theo phương án được phê duyệt; lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, thiết bị phòng cháy và chữa cháy cho các công trình của Dự án, đảm bảo chất lượng; hệ thống đường giao thông có chiều rộng đảm bảo xe chữa cháy có thể lưu thông vào khu vực Dự án; đảm bảo thường trực nguồn nước chữa cháy; định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị ứng phó cháy nổ, đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt để công tác ứng phó sự cố cháy nổ được thực hiện an toàn; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, công nhân viên tham gia vận hành

Dự án; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

b. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố lũ lụt, thiên tai, ngập úng

- Định kì kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi Dự án; thường xuyên cập nhật các số liệu về tình hình mưa lũ, ngập lụt tại địa phương và các khu lân cận; phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình ứng phó sự cố ngập lụt do thiên tai; bố trí lực lượng chuyên môn xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra ngập úng cục bộ trong phạm vi Dự án.

- Đảm bảo không nổi hạ tầng, không gây ngập lụt cho các công trình giữ nguyên hiện trạng và các khu dân cư hiện trạng trong khu vực Dự án trong giai đoạn thi công và vận hành.

c. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với sự cố tắc hệ thống cấp nước, thoát nước

- Định kỳ nạo vét các ga thăm, ga thu nước, cống thoát nước trên hệ thống thu gom nước mưa để đảm bảo năng lực thoát nước tối đa.

- Trường hợp xảy ra ngập úng, tổ chức dọn vệ sinh môi trường công cộng, kiểm tra nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt, thực hiện các biện pháp khử trùng, tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh để phòng ngừa dịch bệnh phát sinh và lây lan

3. Cam kết của Chủ dự án

3.1. Cam kết thực hiện các văn bản pháp luật

Dựa vào những đánh giá trên về tác động của dự án tới môi trường cũng như những điều khoản trong Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định bảo vệ môi trường, các quy định về bảo vệ môi trường của tỉnh Bắc Ninh, trong giai đoạn vận hành dự án chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường cụ thể như sau:

- Công khai báo cáo ĐTM khi được phê duyệt tại địa phương phục vụ công tác giám sát môi trường;

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý môi trường và giám sát môi trường như đã trình bày.

- Cam kết về tính chính xác, chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin trong báo cáo ĐTM của dự án;

- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định, chất thải phải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, cụ thể:

- Đối với nước thải:

+ Cam kết xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- Đối với chất thải:

+ Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ đúng theo quy định về quản lý CTNH tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Cam kết vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định;

+ Cam kết bố trí lực lượng công nhân vệ sinh môi trường có trách nhiệm thu gom rác thải hàng ngày; phân loại rác tại nguồn các loại chất thải rắn công nghiệp và rác thải sinh hoạt.

+ Trang bị các thùng chứa rác tại nhà xưởng, nhà kho thông minh, văn phòng,... đúng nơi quy định.

+ Cam kết không sử dụng các loại hoá chất trong danh mục cấm của Việt Nam và trong các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Đối với sự cố:

+ Cam kết đền bù thiệt hại trong quá trình hoạt động nếu để xảy ra sự cố môi trường;

+ Thực hiện các biện pháp, các quy định vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo vệ các công trình giao thông.

+ Nộp đầy đủ các phí, lệ phí môi trường (nếu có).

3.2. Cam kết với cộng đồng

Cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án (các ý kiến trong quá trình tham vấn cộng đồng). Chủ dự án cam kết thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cam kết thực hiện, quan tâm thực hiện các yêu cầu của cộng đồng dân cư tại buổi họp tham vấn cộng đồng đảm bảo triển khai dự án không làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân, không phá hủy các công trình văn hóa, giao thông của địa phương.

Cam kết tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không để xảy ra ngập úng tại khu vực;

Cam kết thực hiện các biện pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho các công nhân viên làm việc trong công ty.

3.3. Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án

Cam kết thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

Cam kết thực hiện trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Cam kết áp dụng các giải pháp kỹ thuật, sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công phù hợp để giảm thiểu tối đa những tác động ảnh hưởng đến môi trường và đời sống, sinh hoạt của khu dân cư xung quanh; có phương án thi công, vận tải đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực; hạn chế sử dụng các loại máy móc, thiết bị gây tiếng ồn lớn trong giờ cao điểm.

Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố và rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

Cam kết nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ và đúng thời gian quy định;

Cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam./.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Quang

TP

